

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Áp lực chốt lời gia tăng ở nhóm cổ phiếu ngân hàng

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giao dịch khá tích cực

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

PLX, PGV

[Vĩ Mô/Chiến Lược]

Thanh khoản dư thừa

[Quan điểm đầu tư]

Bắt đầu nâng dần tỷ trọng cho các vị thế trung hạn

13/01/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	965.84	-0.28
VN30	881.79	-0.42
HĐTL VN30	879.50	+0.09
HNXIndex	102.30	+0.08
HNX30	179.71	-0.44
UPCoM	55.64	+0.14
USD/VND	VND23,175	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.09	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.90	-20
Dầu (WTI, \$)	59.04	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,547.41	-0.96



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 965.84 (-0.28%)
KLGD (triệu CP) 118.2 (-26.6%)
GTGD (triệu US\$) 119.3 (-44.7%)

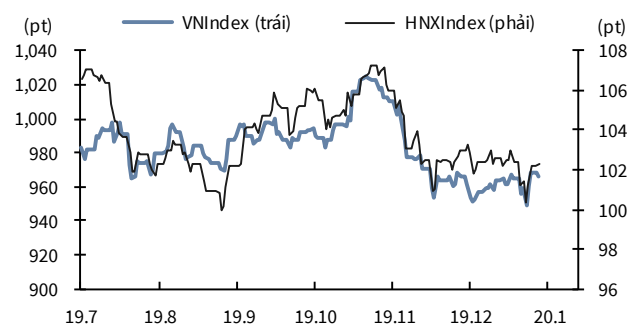
HNXIndex 102.30 (+0.08%)
KLGD (triệu CP) 23.7 (-34.7%)
GTGD (triệu US\$) 10.1 (-24.4%)

UPCoM 55.64 (+0.14%)
KLGD (triệu CP) 15.0 (+0.0%)
GTGD (triệu US\$) 3.7 (-6.8%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +2.8

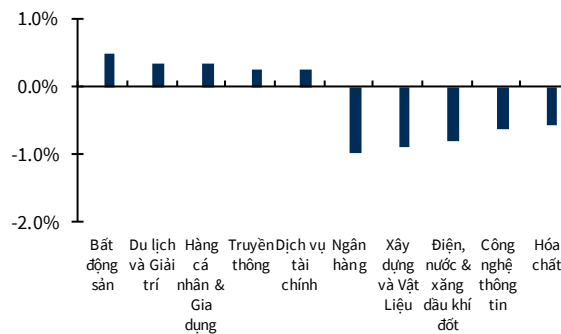
Áp lực chốt lời gia tăng ở nhóm cổ phiếu ngân hàng – nhóm cổ phiếu đã trải qua nhịp tăng mạnh trước đó (CTG, BID, VPB...) nhờ thông tin KQKD 2019 tích cực và việc xây dựng quỹ ETF VNFIN LEAD - khiến chỉ số VNIndex giảm điểm trong phiên hôm nay, đi ngược với xu hướng tăng của các thị trường trong khu vực. Mặc dù số mã giảm điểm chiếm ưu thế áp đảo, tuy nhiên thanh khoản thị trường xuống mức thấp cho thấy áp lực bán trên diện rộng là không quá lớn. Nhóm cổ phiếu trụ cột có diễn biến phân hóa mạnh với VIC, VHM, SAB... tăng điểm, trong khi VNM, VCB, GAS... giảm điểm. Xét riêng trong rổ cổ phiếu VN30 có 10 mã tăng và 17 mã giảm. Cùng với diễn biến giảm nhẹ của giá dầu thế giới phiên hôm qua, cũng là phiên giảm thứ 5 liên tiếp, nhóm cổ phiếu dầu khí tiếp tục có diễn biến tiêu cực với hầu hết các mã trong ngành giảm điểm (GAS, PVD, PVS...). Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhẹ, tập trung ở HPG, E1FVN30, VHM...

VN Index & HNX Index



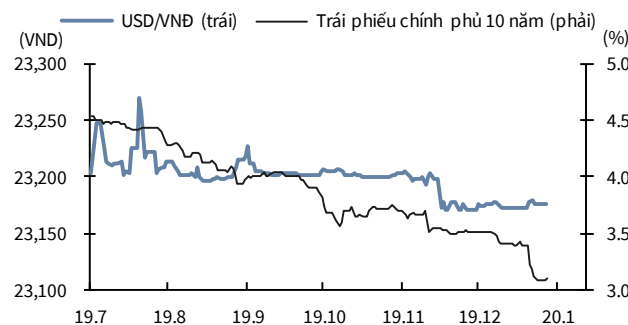
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



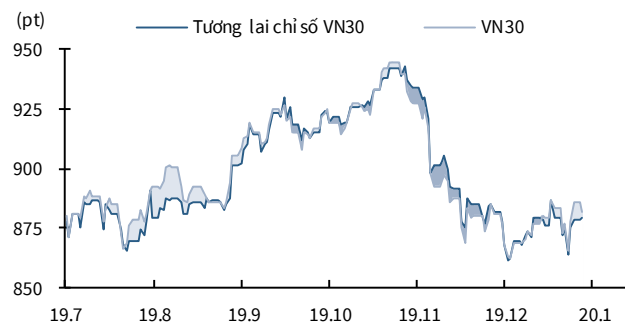
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	881.79 (-0.42%)
VN30 tương lai	879.5 (+0.09%)
Mở cửa	881.0
Cao nhất	883.1
Thấp nhất	877.6
Hợp đồng	70,428 (-15.1%)
KL HĐ mở OI	N/A

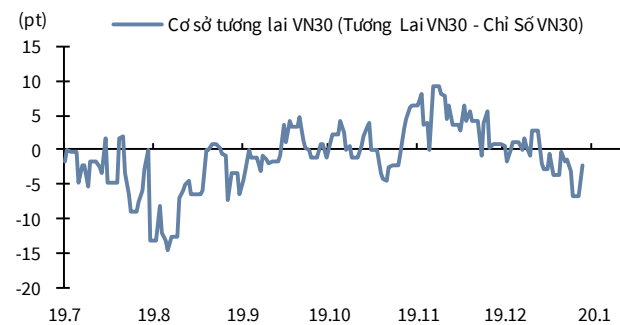
Trái với diễn biến tiêu cực trên thị trường cơ sở, các HĐTL giao dịch khá tích cực với F2001 duy trì đà tăng trong phần lớn phiên giao dịch. Theo đó, mức chênh lệch âm giữa F2001 và chỉ số VN30 đang ở mức cao đóng cửa tuần trước (-6.8 điểm) do hiệu ứng từ việc chốt danh sách hoán đổi cho rổ ETF VNFN LEAD ngày 10/1, đã thu hẹp đáng kể xuống mức thấp (-2.3 điểm) đóng cửa phiên hôm nay. Tương tự như ở thị trường cơ sở, thanh khoản trên thị trường phái sinh, cùng với khối lượng đặt mua và đặt bán đều sụt giảm xuống mức thấp. Nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại mua ròng sau 2 phiên bán ròng liên tiếp, tập trung ở F2001, nhằm tìm kiếm lợi nhuận từ mức chênh lệch âm cao của HĐ này và chỉ số VN30 phiên hôm nay.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



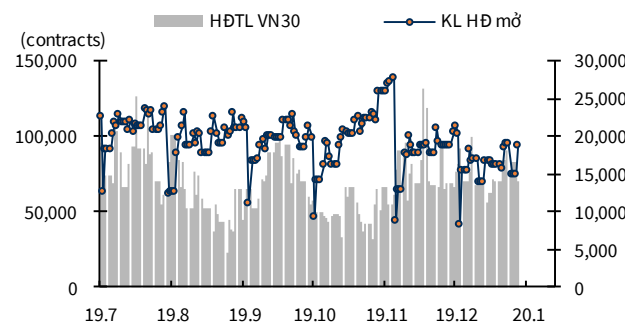
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



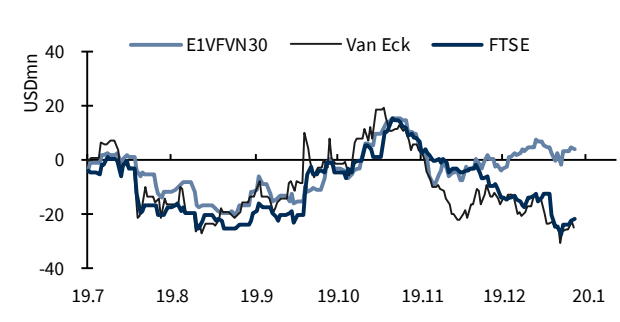
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

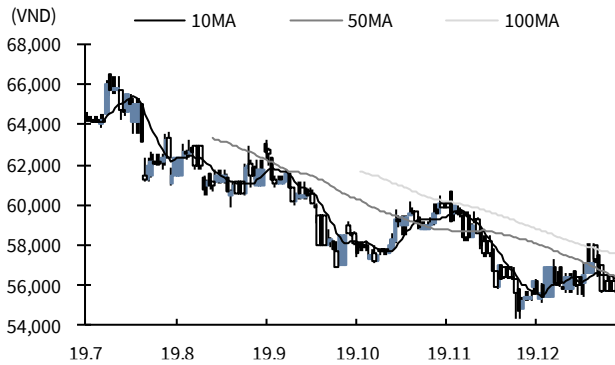
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

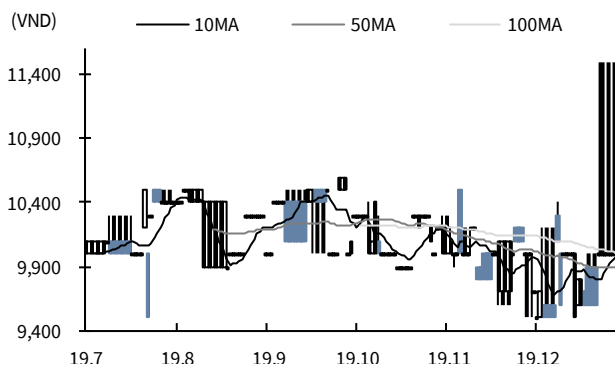
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (PLX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PLX tăng 0.4% lên 55,900 VNĐ/cp.
- Năm 2019, ban lãnh đạo PLX cho biết công ty đã nộp Ngân sách 41,800 tỷ đồng (tăng 7% so với 2018), lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 5,486 tỷ đồng (tăng 9% so với 2018). Sản lượng xuất bán hơn 13.6 triệu m3/tấn (tăng 5.9% so với 2018).
- Năm 2020, PLX sẽ tiếp tục bám sát lộ trình giảm vốn Nhà nước xuống 51% và hoàn thành tái cơ cấu các lĩnh vực bảo hiểm, ngân hàng, đầu tư ngoài ngành.

EVNGENCO 3 (PGV)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PGV đi ngang đóng cửa ở 10,300 VNĐ/cp.
- Ban lãnh đạo PGV cho biết, trong năm 2019, công ty đã sản xuất được 34.6 tỷ kWh, chiếm khoảng 14% sản lượng điện của cả toàn Tập đoàn EVN. Lợi nhuận ước đạt hơn 1,640 tỷ đồng, vượt kế hoạch hơn 21%.
- Cho năm 2020, Genco 3 đặt kế hoạch tăng sản lượng điện sản xuất thêm 3.5% so với thực hiện năm 2019, lên 35.8 tỷ kWh.

13/01/2020

Chuyên viên phân tích vĩ mô
Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Bản tin Thị trường Tiền tệ

Thanh khoản dư thừa

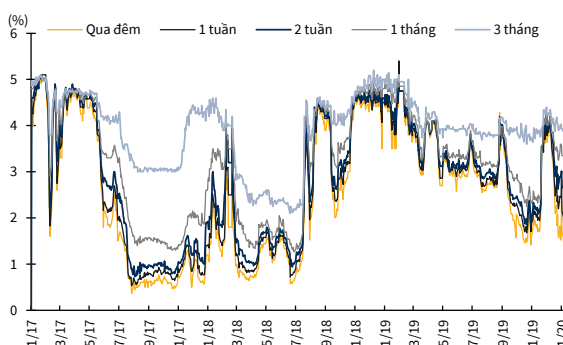
Thanh khoản dư thừa khác thường trên hệ thống liên ngân hàng trong giai đoạn trước Tết Nguyên Đán 2020

- Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm giảm mạnh xuống quanh mức ~1% trong 2 ngày cuối phiên tuần trước (9 – 10/01/2020) và đây là mức thấp nhất kể từ tháng 7/2018. Như vậy, lãi suất liên ngân hàng có xu hướng giảm liên tục trong vòng gần 1 tháng qua, kể từ lúc chạm đỉnh khoảng ~4% vào giữa tháng 12/2019. Chênh lệch lãi suất giữa VND và USD trên thị trường liên ngân hàng đã ở mức âm khá lớn tại các kỳ hạn ngắn.
- NHNN vẫn tiếp tục hoạt động chào thầu trên kênh OMO với kỳ hạn 14-28 ngày, lãi suất 4.0%, tuy nhiên không có khối lượng trúng thầu. Trong khi đó, NHNN đã không chào thầu tín phiếu trong thời gian qua. Số dư của OMO và tín phiếu vẫn ở mức 0. Các yếu tố trên cho thấy NHNN vẫn đang điều hành tương đối thận trọng trước lo ngại yếu tố mùa vụ có thể khiến thanh khoản hệ thống eo hẹp dịp giáp Tết.
- Nhiều khả năng, việc NHNN tiếp tục hoạt động mua vào USD thời gian gần đây, trong bối cảnh dòng kiều hối đổ vào mạnh là nguyên nhân chính giúp thanh khoản tiền đồng dư thừa rõ rệt và lãi suất liên ngân hàng sụt giảm mạnh.

Lợi suất trái phiếu chính phủ giảm mạnh trong thời gian qua

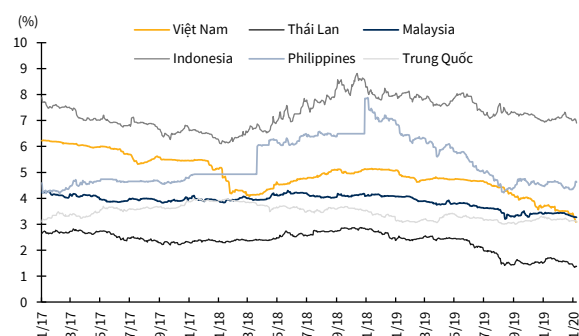
- Lợi suất TPCP các kỳ hạn cũng đã tụt giảm mạnh trong 10 ngày qua. Theo thống kê từ ADB, lợi suất TPCP kỳ hạn 10 năm của Việt Nam vào ngày 10/01 đã giảm xuống chỉ còn 3.11%, giảm hơn 30bps so với cuối năm 2019. So với các nước trong khu vực, lợi suất TPCP của Việt Nam đã xuống thấp hơn Malaysia (3.28%) và gần tương đương với Trung Quốc (3.08%) – trong khi đánh giá tín nhiệm của Việt Nam ở mức thấp hơn nhiều so với 2 nước trên.
- Lợi suất TPCP của Việt Nam giảm liên tục trong các năm qua do 2 nguyên nhân chính: (i) Xét theo nguồn cung, quy mô phát hành TPCP bị thu hẹp trong năm 2019 với lượng phát hành ròng (phát hành mới – đáo hạn) đạt khoảng gần 80 nghìn tỷ đồng, giảm ~25% so với 2018. Điều này phần nào lý giải do giải ngân vốn đầu tư công tính đến 15/12/2019 chỉ đạt 61.8% kế hoạch, KBNN cũng chủ động giảm lượng phát hành TPCP; (ii) Xét theo nguồn cầu, quy mô thị trường trái phiếu của Việt Nam còn nhỏ so với GDP (chỉ chiếm ~27.7% cho TPCP, số liệu từ Bộ Tài Chính, tính đến tháng 9 2019) cho thấy nhu cầu từ thị trường, đặc biệt từ khối ngoại, ngân hàng và các công ty bảo hiểm còn tương đối lớn. Ngoài ra, việc thanh khoản hệ thống dư thừa trong thời gian qua cũng khiến nhu cầu nắm giữ TPCP của các NHTM tăng cao, góp phần đẩy mạnh lãi suất xuống thấp.

Biểu đồ 1. Biến động lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Biểu đồ 2. Lợi suất TPCP 10 năm của các nước trong khu vực



Nguồn: Bloomberg, KBSV

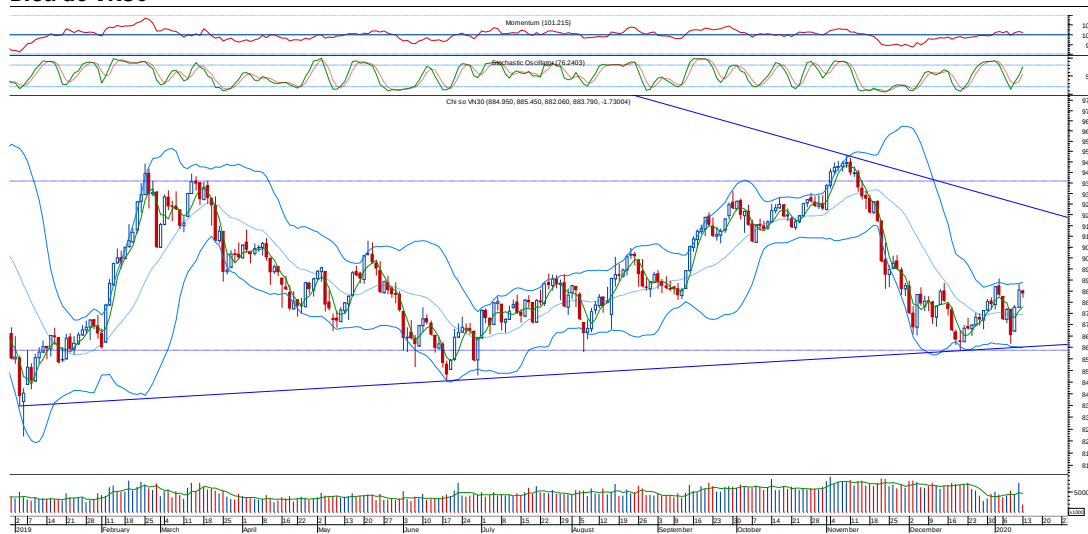
13/01/2020

Giám đốc Khối Phân Tích
Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Timing thị trường

Điểm mua trung hạn

Biểu đồ VN30



Nguồn: CTCK KB Việt Nam

TT trải qua 2 phiên bật tăng khá mạnh, có một số điểm thay đổi đáng lưu ý:

- Cơ hội hồi phục thành công sau nhịp giảm vừa rồi đã tăng lên đáng kể do VNINDEX và VNXALL đều đã chạm phá đáy, đủ để được coi là "giảm đủ nhịp" về mặt thời gian (đặc biệt là VNXALL đã chạm phá đáy trung hạn).
- Theo dõi một số nhóm cổ phiếu mang tính thị trường cao, đã bắt đầu xuất hiện dấu hiệu tạo đáy và hồi phục sau quá trình sụt giảm kéo dài.
- Theo chu kỳ Elliott và cách đếm sóng chủ quan của tôi, sóng 4 điều chỉnh trung hạn "có thể" đã kết thúc với mẫu hình kết hợp Zigzag + Flat.
- Với những căn cứ đó, tôi cho rằng thị trường đang dần hình thành cơ sở để bước vào sóng 5 hồi phục trung hạn tính theo khung quý trong thời gian tới (đây cũng là sóng tăng cuối trong chu kỳ hồi phục lần này).
- Điểm còn phải lưu ý là VN30, mặc dù 2 phiên bật tăng vừa qua đã giúp lấy lại cân bằng cho chỉ số đồng thời giảm thiểu rủi ro tiếp tục lao dốc khi đã quay lên gần biên trên dải Bollinger đang thắt hẹp, nhưng về tổng thể vẫn còn hơi thiếu về mặt timing nên không loại trừ khả năng sẽ còn thêm 1 nhịp chùng khi test vùng kháng cự gần tại 890-895.
- NĐT được khuyến nghị có thể bắt đầu nâng dần tỷ trọng cho các vị thế trung hạn (khác với những nhịp chỉ bắt ngắn hạn trước). Tuy nhiên, do rủi ro vẫn có thể có thêm 1 nhịp giảm ngắn ở trên nên cần tránh mua đuổi mà chờ các phiên điều chỉnh để trải lệnh giá thấp.
- KB xấu là VN30 có thêm 1 nhịp rơi xuống vùng 840, tuy khả năng này không cao với khoảng 30% xác suất, nhưng khi đẩy tỷ trọng cần cân đối KB này. Về chiến lược phân bổ tỷ trọng tổng thể trong sóng 5, NĐT có thể hold 30-50% bám theo trend, còn lại là trading quay vòng tại các vùng cản (tùy mức độ mạnh nhẹ). Sóng 5 thường là sóng thoải, tăng phân hóa và đan xen các nhịp giảm khó chịu, nên chiến lược buy-hold thuần túy sẽ khó mang lại hiệu quả cao.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

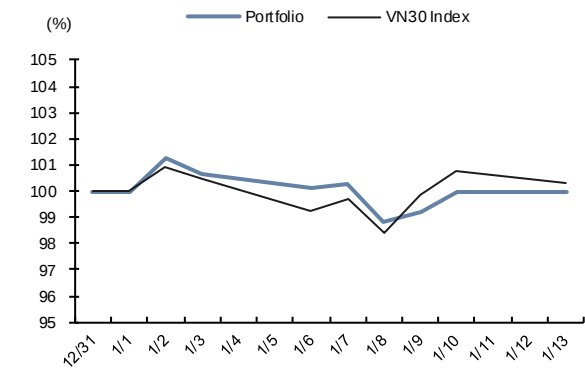
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.42%	-0.04%
Tăng lũy kế (YTD)	0.31%	0.00%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 13/01/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	114,500	-0.5%	-12%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	27,050	2.9%	10%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	89,000	0.6%	16.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	21,300	-0.5%	8.0%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	35,750	0.1%	5.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	57,100	-0.7%	48.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
PV Drilling (PVD)	06/01/2020	14,950	-13%	-5.7%	- Kỳ vọng đà hồi phục của giá dầu tiếp diễn - Giá thuê dàn khoan theo ngày đang có xu hướng tăng trở lại - Khả năng tiếp tục thu hồi được 1 phần nợ xấu trong năm 2020
Power Const No. 1 (PC1)	06/11/2019	17,850	0.8%	-5.8%	- Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020.
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24,250	0.2%	3.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	18,000	-2.2%	19%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	0.2%	38.3%	23.6
E1VFN30	-0.1%	98.9%	21.9
VHM	2.1%	14.9%	15.7
MSN	0.9%	39.2%	11.5
VIC	0.1%	14.8%	7.9
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NLG	2.9%	49.0%	-23.2
CTG	1.5%	29.6%	-9.2
VNM	-1.3%	58.7%	-5.9
PVD	-1.3%	19.3%	-2.5
ANV	-2.7%	1.5%	-1.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NBC	0.0%	5.9%	0.1
SHS	0.0%	11.5%	0.1
BVS	0.0%	28.1%	0.1
VCS	-1.5%	2.2%	0.1
SHB	1.4%	10.7%	0.1
Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-2.2%	21.5%	-1.9
VCG	0.0%	0.5%	-0.8
SCI	-0.9%	3.4%	-0.3
WCS	0.0%	26.4%	-0.2
TTZ	8.3%	30.5%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	4.2%	BID, VCB
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.4%	PNJ, TCM
Ô tô và phụ tùng	2.1%	TCH, DRC
Thực phẩm và đồ uống	1.1%	SAB, MSN
Bất động sản	0.9%	VHM, VIC
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-4.5%	YEG, PNC
Xây dựng và Vật Liệu	-2.8%	ROS, CTD
Dầu khí	-2.7%	GAS, POW
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.7%	LGC, GEX
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.7%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	9.2%	TCH, DRC
Ngân hàng	4.1%	BID, CTG
Tài nguyên Cơ bản	3.5%	HPG, NKG
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.4%	PNJ, TCM
Bán lẻ	2.3%	MWG, DGW
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-10.3%	ROS, CTD
Bảo hiểm	-6.2%	BVH, PGI
Truyền thông	-5.1%	YEG, PNC
Hóa chất	-4.0%	PHR, DCM
Y tế	-3.4%	DHG, DCL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa	GTGD	Room còn lại	PER (X)		EPS	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
				thị trường (VNĐ tỷ)	(VNĐ triệu , USD mn)		(%, -1đ)	19E	20E	CAGR (%)	19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	114,900	388,641 (16,770)	52,394 (2.3)	21.9	79.0	44.9	44.1	5.5	7.8	4.9	4.4	0.1	0.3	-0.9	-0.1
	VHM	VINHOMES JSC	86,300	283,885 (12,250)	63,644 (2.7)	34.1	15.0	10.8	35.0	33.5	35.9	4.8	3.3	2.1	3.5	-3.1	1.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	33,750	76,691 (3,309)	37,171 (1.6)	16.1	28.4	22.2	18.3	9.6	10.8	2.7	2.4	-0.6	0.3	0.6	-0.7
	NVL	NOVA LAND INVES	55,000	53,325 (2,301)	17,423 (0.8)	31.6	17.9	17.0	-4.3	14.6	12.0	2.3	-	-1.4	-1.4	0.0	-7.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,600	13,937 (601)	7,301 (0.3)	4.5	15.0	11.5	20.7	12.9	15.0	1.9	1.7	0.0	-3.4	-5.5	-4.8
	DXG	DAT XANH GROUP	13,550	7,107 (303)	20,277 (0.9)	3.4	5.0	4.7	3.3	18.6	18.0	0.9	0.8	1.1	-1.1	-5.2	-6.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	89,400	331,574 (14,307)	59,715 (2.6)	6.2	20.0	15.9	23.7	24.7	24.3	4.0	3.1	-0.1	2.2	1.1	-0.9
	BID	BANK FOR INVESTM	50,100	201,503 (8,695)	43,037 (1.9)	12.0	31.9	22.8	15.9	12.5	14.1	2.6	2.4	-2.3	9.4	19.6	8.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,950	80,328 (3,466)	29,639 (1.3)	0.0	8.5	7.3	8.1	16.8	16.4	1.3	1.1	-0.9	-0.4	-0.9	-2.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	23,200	86,383 (3,727)	84,033 (3.6)	0.4	11.6	9.4	30.5	11.9	13.4	1.2	1.0	-1.5	8.7	12.6	11.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	20,600	50,218 (2,167)	37,128 (1.6)	0.0	6.4	5.3	13.6	20.8	20.9	1.2	1.0	-2.1	3.3	4.8	3.0
	MBB	MILITARYCOMMERC	21,300	49,537 (2,138)	72,528 (3.1)	0.0	6.5	5.8	17.2	21.2	20.9	1.3	1.1	-0.5	1.7	-2.3	2.4
	HDB	HDBANK	27,900	27,370 (1,181)	37,475 (1.6)	6.9	8.6	7.3	12.8	18.7	19.5	1.5	1.3	-0.7	3.3	-0.2	1.3
	STB	SACOMBANK	10,400	18,758 (809)	27,877 (1.2)	11.5	8.6	6.4	56.6	8.6	10.3	0.7	0.7	-1.0	3.5	3.5	3.5
	TPB	TIEN PHONG COMME	21,550	17,813 (769)	2,984 (0.1)	0.0	7.1	5.6	33.5	21.8	22.4	1.4	1.1	0.2	1.9	2.6	2.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,000	22,130 (955)	1,874 (0.1)	0.0	28.8	28.0	9.4	5.1	8.0	1.4	1.4	0.0	2.9	7.1	1.1
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	66,700	49,513 (2,136)	15,302 (0.7)	19.5	38.8	29.1	19.2	8.3	9.6	2.8	2.5	-0.4	-1.3	-1.9	-2.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	25,800	2,357 (102)	769 (0.0)	11.4	13.8	-	-	7.9	-	-	-	4.0	1.2	2.6	4.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	18,300	9,297 (401)	21,661 (0.9)	45.0	4.5	4.2	33.9	9.6	10.5	0.9	0.8	0.0	0.5	-4.7	1.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	29,000	4,766 (206)	1,132 (0.0)	63.7	7.7	8.0	-14.5	16.0	13.9	1.2	1.1	0.7	1.4	-8.5	-1.7
	HCM	HOCHI MINH CITY	21,450	6,553 (283)	15,059 (0.6)	43.4	18.2	12.6	-16.4	9.8	11.5	1.5	1.4	2.1	2.9	-6.1	0.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,300	2,982 (129)	2,343 (0.1)	8.7	9.4	8.2	-4.2	11.4	12.3	0.9	0.9	0.0	0.0	-0.3	-0.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	117,400	204,438 (8,821)	85,854 (3.7)	41.3	21.0	19.8	6.9	38.9	38.7	7.3	6.7	-1.3	0.0	-0.5	0.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	233,900	149,996 (6,472)	7,333 (0.3)	36.7	29.7	24.2	25.1	34.4	36.0	8.8	7.7	0.2	4.5	0.3	2.6
	MSN	MASANGROUP CORP	57,000	66,630 (2,875)	54,639 (2.4)	9.9	15.0	13.6	-6.2	13.8	13.4	2.0	1.7	0.9	0.7	-1.7	0.9
	HNG	HOANGANH GIA LA	14,000	15,520 (670)	3,295 (0.1)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	-1.4	-1.8	0.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	146,500	76,742 (3,311)	60,648 (2.6)	10.4	13.9	12.7	10.1	38.7	37.8	4.8	3.9	0.2	0.3	1.4	0.2
	GMD	GEMADEPT CORP	21,500	6,384 (275)	5,469 (0.2)	0.0	11.7	11.4	-44.5	9.4	9.2	1.0	1.0	-2.3	-3.4	-8.9	-7.7
	CII	HOCHI MINH CITY	23,750	5,886 (254)	6,467 (0.3)	19.0	11.6	10.6	147.6	11.0	12.2	-	-	-0.2	3.3	4.4	5.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	11,300	6,414 (277)	423,761 (18.3)	45.3	-	-	-	-	-	-	-	-7.0	-19.9	-53.1	-34.7
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,700	9,618 (415)	10,349 (0.4)	33.6	7.9	9.9	-2.5	13.2	13.3	1.5	1.4	0.0	-3.9	-0.3	1.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	49,700	3,792 (164)	4,901 (0.2)	1.6	5.6	5.9	-30.7	8.6	7.9	0.4	0.4	0.3	-5.5	-19.8	-3.1
	REE	REE	35,750	11,084 (478)	22,515 (1.0)	0.0	6.3	6.2	0.4	16.7	15.8	1.1	1.0	0.1	-1.9	-2.1	-1.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu , USD mn)	Room còn lại (% , -1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	95,300	182,399 (7,871)	24,353 (1.1)	45.4	15.1	15.0	2.5	25.8	25.5	3.7	3.5	-0.6	-2.6	-2.8	1.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	18,400	5,297 (229)	4,763 (0.2)	30.4	7.2	7.4	-2.6	19.8	18.4	1.3	1.4	-3.2	-14.0	-17.9	-15.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,100	8,047 (347)	4,906 (0.2)	32.8	8.9	8.8	-9.1	16.5	16.3	1.4	1.4	-1.8	-2.3	-14.3	-6.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,250	66,956 (2,889)	122,836 (5.3)	10.7	9.4	7.6	2.5	16.8	18.0	1.4	1.2	0.2	1.0	1.9	3.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	12,900	5,048 (218)	3,288 (0.1)	30.2	20.0	11.4	-16.2	3.5	6.2	0.6	0.6	1.2	1.6	-3.0	-0.4
	DCM	PETROCA MAU FER	6,000	3,176 (137)	1,288 (0.1)	46.6	8.0	9.7	-	6.4	5.3	0.5	0.5	0.3	-4.8	-9.1	-7.7
	HSG	HOA SENG GROUP	7,940	3,360 (145)	27,581 (1.2)	31.2	8.9	6.8	-6.4	6.7	8.0	0.5	0.5	-1.9	-1.0	-5.3	1.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,000	2,054 (089)	23,274 (1.0)	37.3	5.4	5.4	49.2	16.4	16.3	0.7	0.7	-0.8	-2.4	-14.9	-5.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	55,900	66,566 (2,872)	10,398 (0.4)	6.6	16.7	16.1	11.9	19.0	19.3	3.1	3.1	0.4	-2.4	0.9	-0.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	14,950	6,296 (272)	35,240 (1.5)	29.7	39.1	28.4	21.2	1.3	1.8	0.5	0.5	-1.3	-5.7	0.7	-0.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	15,500	4,362 (188)	4,123 (0.2)	17.1	6.7	6.2	6.9	13.4	13.8	0.8	0.8	-1.0	-6.6	-7.5	-7.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	114,500	51,893 (2,239)	60,977 (2.6)	0.0	13.4	10.8	25.7	36.1	33.7	4.2	3.2	-0.5	-0.2	1.3	0.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	89,000	20,042 (865)	54,597 (2.4)	0.0	18.0	15.0	20.7	27.8	28.2	4.3	3.5	0.6	3.7	6.6	3.5
	YEG	YEAH1GROUP CORP	36,300	1,071 (046)	1,084 (0.0)	67.8	-	21.9	-40.0	-4.1	3.6	0.8	0.8	0.3	-4.2	-9.7	-1.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	19,850	1,568 (068)	1,979 (0.1)	1.5	4.9	4.6	0.0	25.3	22.8	1.1	1.0	0.8	-9.8	-26.6	-5.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	38,350	5,196 (224)	22,999 (1.0)	42.9	4.8	4.8	31.3	30.8	35.3	1.7	1.5	-1.4	-1.9	-26.0	0.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	87,100	11,388 (491)	1,830 (0.1)	45.5	19.1	17.9	4.0	20.1	20.0	3.4	3.2	-1.0	-4.5	-8.3	-4.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	53,500	4,013 (173)	369 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.9	0.9	-2.4	-1.5
IT	FPT	FPT CORP	57,100	38,730 (1,671)	68,672 (3.0)	0.0	12.3	10.4	25.3	24.3	25.1	2.6	2.3	-0.7	0.2	0.0	-2.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
conglth@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfsg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.